

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VỊ THANH
TỈNH HẬU GIANG**

Bản án số: 274/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 23-11-2018

V/v tranh chấp ly hôn, tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VỊ THANH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hoàng Phúc.

Ông Tạ Hồng Thái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Sơn Thanh Phong. Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018. về tranh chấp ly hôn, tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2018/QĐXX-ST ngày 05 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Minh N.

Địa chỉ: ấp Thạnh Lợi, xã Hòa Lự, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị Hồng K

Địa chỉ: ấp Thạnh Lợi, xã Hòa Lự, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đầu năm 2017 anh Lê Minh N và chị Phạm Thị Hồng K kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Lự, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu

Giang. Hôn nhân không hạnh phúc nên anh N yêu cầu được ly hôn, chị K đồng ý.

Về con chung: Anh N và chị K khai không có con chung.

Tài sản chung:

Anh N khai có 05 chỉ vàng 24k loại 9999; 01 nhẫn 07 phân 09 ly vàng 18k; 01 nhẫn 05 phân vàng 18k; 01 dây chuyền 02 chỉ 05 phân vàng 18k; 01 lắc 02 chỉ 04 phân vàng 18k, hiện số vàng trên chị K giữ. Yêu cầu chị K trả lại cho anh N. Ngoài ra, mẹ vợ có cho 15.000.000 đồng để mua xe Air Blade biển số 95B1-41546 mua ngày 11 tháng 4 năm 2017.

Chị K khai khi cưới gia đình chồng có cho chị 05 chỉ vàng loại 9999 bán mua nữ trang 18k như anh N kê trên, chị đang quản lý, không đồng ý trả lại cho anh N. Có 02 xe mô tô (01 xe wave biển số 95B1-54915, mua năm 2017, do anh N đứng tên chủ sở hữu, nguồn tiền chung của hai vợ chồng giá 15.000.000 đồng anh N đang sử dụng; 01 xe Air Blade biển số 95B1-41546 mua năm 2017, do anh N đứng tên, nguồn tiền mua xe là do mẹ ruột chị K cho 15.000.000 đồng, phần còn lại do vợ chồng cùng góp, chị K góp 06 tháng, mỗi tháng 1.395.000 đồng bằng số tiền 8.370.000 đồng, phần còn lại do anh N góp). Chị K yêu cầu anh N hoàn lại $\frac{1}{2}$ giá trị xe Wave RSX theo giá trị đã định là 5.250.000 đồng, đối với xe Air Blade biển số 95B1-41546 anh N trả lại số tiền 23.370.000 đồng.

Nợ chung: anh N chị K khai không có.

Tài liệu chứng cứ kèm theo yêu cầu khởi kiện: giấy chứng minh nhân dân (pho to), giấy chứng nhận kết hôn (bản sao), sổ hộ khẩu (bản sao).

Tại phiên toà: Nguyên đơn anh Lê Minh N và bị đơn chị Phạm Thị Hồng K trình bày và giữ nguyên yêu cầu như trước đây.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu:

Về tố tụng: Thống nhất quá trình thu thập chứng cứ của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án.

Về nội dung đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận một phần yêu cầu về chia tài sản của bị đơn. Án phí dân sự sơ thẩm theo quy định nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí, lệ phí ban hành kèm theo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Anh Lê Minh N có gửi đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Phạm Thị Hồng K và có yêu cầu chia tài sản, nên Tòa xác định quan hệ tranh chấp là Ly hôn, chia tài sản. Đây là vụ án về hôn nhân gia đình, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện. Địa chỉ của bị đơn chị K tại ấp Thạnh Lợi, xã Hòa Lữ, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh giải quyết là hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Minh N và chị Phạm Thị Hồng K chung sống từ năm 2017 có đăng ký kết hôn, nên hôn nhân của anh N chị K là hợp pháp. Ngày 15/6/2018 anh N có yêu cầu ly hôn, vì cho rằng hôn nhân không hạnh phúc, do chị K không hiểu thảo với cha mẹ chồng, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh N không còn tình cảm với chị K. Chị K đồng ý ly hôn vì cho rằng hôn nhân không hạnh phúc. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau.....” nhưng theo thừa nhận của anh N chị K tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc và hiện tại anh chị đã ly thân, anh chị không còn tình cảm. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của anh N, chị K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh N.

[3]. Về con chung: Anh N, chị K khai không có, nên không xem xét

[4]. Về nợ chung: Anh N, chị K khai không có, nên không xem xét

[5]. Về tài sản chung:

[5.1] Vàng cưới 05 chỉ loại 24k đã bán mua lại số nữ trang sau: 01 nhẫn 07 phân 09 ly vàng 18k; 01 nhẫn 05 phân vàng 18k; 01 dây chuyền 02 chỉ 05 phân vàng 18k; 01 lắc 02 chỉ 04 phân vàng 18k hiện chị K đang quản lý. Anh N yêu cầu chị K trả lại, chị K không đồng ý. Xét, số vàng trên là tài sản anh N và chị K thừa nhận là vàng cho trong ngày cưới, nên đây là tài sản chung của vợ chồng. Nên phải chia đôi cho anh N và chị K, do chị K đang quản lý, nên chị K phải có trách nhiệm trả lại anh N $\frac{1}{2}$ số vàng trên. Tổng số vàng 18k là 06 chỉ 08 phân 09 ly loại 70% , nên chị K phải trả cho anh N số vàng 18k là 03 chỉ 04 phân 4,5 ly loại 70%.

[5.2]. Xe wave biển số 95B1-54915 tại tòa anh N và chị K xác định khi mua xe hai vợ chồng cùng mua, mua xe khoảng tháng 6 - 7 năm 2017 nên xác định xe này được mua trong thời kỳ hôn nhân. Do vậy, đây là tài sản chung nên phải chia, theo kết quả định giá tài sản thì xe trên có giá trị 10.500.000 đồng, hiện tại anh N đang sử dụng, nên anh N có trách nhiệm hoàn lại cho chị K $\frac{1}{2}$ giá trị xe, bằng 5.250.000 đồng.

[5.3]. Xe Air Blade biển số 95B1-41546 anh N khai là xe do anh mua riêng, anh trả bằng tiền của anh, không sử dụng tiền chung của vợ chồng. Nhưng tại bản tự khai (bút lục 16) anh N thừa nhận mẹ vợ có cho 15.000.000 đồng để mua xe, qua thừa nhận này xác định được đây là tài sản chung không phải là tài sản riêng của anh N. Chị K khai mẹ ruột có cho riêng chị 15.000.000 đồng cho vợ chồng mua xe Air Blade biển số 95B1-41546. Anh N không thừa nhận mẹ vợ cho riêng, chị K cũng không chứng minh được số tiền 15.000.000 đồng này cho riêng chị. Nên xác định đây là tài sản chung, xe Air Blade biển số 95B1-41546 mua trả góp, thời hạn góp là 24 tháng. Anh N xác định trong thời gian ly thân do không khả năng trả góp nên bán xe được 20.000.000 đồng. Chị K yêu cầu anh N phải trả lại tiền mẹ ruột chị cho là 15.000.000 đồng, anh N không đồng ý. Thấy rằng, tại tòa cả hai đương sự thừa nhận còn nợ lại 12 tháng chưa góp, mỗi tháng góp 1.395.000 đồng. Anh N khai bán xe được 20.000.000 đồng, chị K không đồng ý cho rằng giá trị xe khoảng 30.000.000 đồng. Hiện xe không còn, nên không thể định giá được, anh N khai bán được 20.000.000 đồng, chị K không đồng ý, theo chị K giá trị khoảng 30.000.000. Xét, anh N bán xe mà không thông qua chị K là cũng có lỗi, chị K và anh N khi ly thân còn trách nhiệm trả góp mà không thỏa thuận cũng có lỗi. Do vậy, xác định giá trị xe là 25.000.000 đồng, trừ nợ tiền góp 12 tháng bằng 16.740.000 đồng, nên giá trị xe còn lại là 8.260.000 đồng. Như vậy, anh N phải trả lại cho chị K là 4.130.000 đồng.

[6]. Về chi phí tố tụng khác: Căn cứ Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc anh Lê Minh N chịu 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

[7]. Án phí sơ thẩm: Anh Lê Minh N, chị Phạm Thị Hồng K nộp theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8]. Về phát biểu đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa. Xét, phát biểu về thủ tục tố tụng và đề nghị về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, Tòa chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 19, Điều 56, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Lê Minh N. Anh Lê Minh N được ly hôn với chị Phạm Thị Hồng K.

2. Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Minh N.

Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Phạm Thị Hồng K.

Anh Lê Minh N và chị Phạm Thị Hồng K mỗi người được sở hữu 03 chỉ 04 phân 4,5 ly vàng 18k loại 70%, chị K có trách nhiệm trả cho anh N 03 chỉ 04 phân 4,5 ly vàng 18k loại 70%.

Anh Lê Minh N được sở hữu 01 xe wave biển số 95B1-54915. Anh N có trách nhiệm trả lại giá trị xe wave biển số 95B1-54915 cho chị K là 5.250.000 đồng (năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) và giá trị xe Air Blade là 4.130.000 đồng (bốn triệu một trăm ba mươi nghìn đồng). Tổng số tiền anh N phải trả cho chị K là 9.380.000 đồng (chín triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn: Buộc anh Lê Minh N nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chuyển số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng anh N đã nộp tạm ứng án phí khởi kiện theo biên lai thu số 0016105 ngày 25/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu chia tài sản chung:

Anh Lê Minh N chịu 925.800 đồng (chín trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm đồng). Chuyển số tiền 375.000 (ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng anh N đã nộp tạm ứng án phí khởi kiện theo biên lai thu số 0016170 ngày 19/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí. Anh N phải nộp thêm 550.800 đồng (năm trăm năm mươi nghìn tám trăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Chị Phạm Thị Hồng K chịu 925.800 đồng (chín trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm đồng). Chuyển số tiền 759.000 đồng (bảy trăm năm mươi chín nghìn đồng) chị K đã nộp tạm ứng án phí khởi kiện theo biên lai thu số 0016164 ngày 16/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh thành án phí. Chị K phải nộp thêm 166.800 đồng (một trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

5. Chi phí tố tụng là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) anh Lê Minh N chịu. Chị Phạm Thị Hồng K đã nộp xong, anh N có trách nhiệm trả lại cho chị K số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng).

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Vị Thanh;
- Chi cục THADS TP Vị Thanh;
- UBND xã Hòa Lự, TP VT;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Tuyết Mai

